

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/LĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã
hội, tiền thưởng (hoa hồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đình Thừa – Cử nhân Luật;
- Ông Đoàn Nam Lê Thiện- Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 297/2024/TLST-LĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, tiền thưởng (hoa hồng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Tấn P, địa chỉ: G T, phường T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tầng H, Tòa nhà N, 2 P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hán Văn C, sinh năm 1997 và bà Trần Juy L, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Tầng H, tòa nhà N, 2 P, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/6/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hồ Trần H, Luật sư Chi nhánh văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư Thành phố H, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; trụ sở: số A, đường số E, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/12/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1989; địa chỉ: 5 Ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Juy L trình bày:

Ông Ngô Văn Tấn P làm việc tại Công ty TNHH S(gọi tắt là Công ty S) từ tháng 01/2011 (ngày cụ thể thì không nhớ) đến 07/2023, sau đó ông P chuyển sang làm cộng tác viên tại Công ty cho đến tháng 06/2024 thì chính thức nghỉ việc. Hai bên không thỏa thuận thời gian thử việc.

Ông P có yêu cầu Công ty S ký kết hợp đồng lao động nhưng công ty không tiến hành ký kết mà hai bên thỏa thuận bằng lời nói hợp đồng lao động không xác định thời hạn; công việc phải làm là nhân viên kinh doanh; địa điểm làm việc tại trụ sở của công ty ở số A, đường số E, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; mức lương cơ bản là 5.000.000 đồng- 10.000.000 đồng/tháng, ngoài ra không còn khoản tiền phụ cấp nào khác nhưng có thỏa thuận tiền thưởng (hoa hồng) kinh doanh hàng tháng theo doanh thu bán hàng sẽ được hưởng 32% mức doanh thu áp dụng từ thời điểm bắt đầu vào làm việc cho đến ngày 01/7/2023, từ ngày 01/7/2023 nếu mức lợi nhuận trên 500.000.000 đồng/thông sẽ được hưởng 32%/mức doanh thu, mức lợi nhuận từ 300.000.000 đồng/thông đến 499.000.000 đồng/thông sẽ được hưởng 25%/mức doanh thu, mức lợi nhuận từ 200.000.000 đồng/thông đến 299.000.000 đồng/thông sẽ được hưởng 20%/mức doanh thu, mức lợi nhuận dưới 200.000.000 đồng/thông sẽ được hưởng 15%/mức doanh thu, thời gian làm việc 08 tiếng/ngày, một tuần làm từ thứ hai đến thứ bảy, 01 tháng làm 26 ngày.

Quá trình làm việc Công ty S không tham gia BHXH bắt buộc cho ông P, đồng thời cũng không khấu trừ tiền lương hàng tháng của ông P để đóng BHXH. Về công việc ông P luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được hưởng tiền lương đầy đủ. Việc thanh toán tiền lương đều bằng tiền mặt, ký nhận tiền lương đều do Công ty S giữ lại. Từ tháng 6/2016 trở đi, việc thanh toán tiền lương có tháng bằng hình thức chuyển khoản thông qua số tài khoản ngân hàng của bà Đỗ Thị Kim N (Bà N là vợ ụng P và cũng là nhõn viờn kinh doanh của Cụng ty), có tháng thanh toán bằng tiền mặt. Đến tháng 06/2024, ông P chính thức nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc về tiền lương và các chế độ khác thì Công ty S thực hiện đầy đủ, tuy nhiên khoản tiền thưởng kinh doanh từ tháng 02/2022 đến tháng 11/2023 với số tiền là 3.718.177.971 đồng Công ty S chưa thanh toán.

Sau nhiều lần ông P yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền thưởng trên nhưng công ty C2 không thanh toán. Vào ngày 08/5/2024, ông Phạm Văn C1 là người đại diện theo pháp luật của công ty và những người lao động có buổi họp liên quan đến số

tiền thưởng mà công ty còn nợ, trong đó có ông P. Tại biên bản ngày 08/5/2024, ông C1 xác nhận còn nợ lại tiền thưởng và cam kết trả cho ông P chậm nhất vào ngày 08/11/2024. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán phía công ty vẫn không thực hiện đúng như cam kết. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông P khởi kiện Công ty S yêu cầu:

- Buộc Công ty S trả cho ông Ngô Văn Tấn P số tiền thưởng kinh doanh là 3.718.177.971 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/5/2024 đến ngày 03/10/2024 với lãi suất 10%/năm là 150.764.477 đồng, tổng cộng 3.868.942.448 đồng. Ngoài ra, sau ngày 03/10/2024 Công ty S vẫn phải chịu trả lãi chậm trả mức 10%/năm cho đến khi trả hết số tiền nợ còn thiếu.

- Buộc Công ty S trả cho ông Ngô Văn Tấn P tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2023 với tổng số tiền 203.000.000 đồng.

Ngày 12/6/2025, nguyên đơn có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc Công ty S trả cho ông Ngô Văn Tấn P số tiền thưởng kinh doanh 3.718.177.971 đồng.

- Buộc Công ty S thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 09/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/6/2025 với lãi suất 10%/năm trên số tiền 3.718.177.971 đồng là 220.034.642 đồng.

- Buộc Công ty S Việt phải tham gia và đóng BHXH bắt buộc cho ông Ngô Văn T1 Phá từ tháng 06/2016 đến tháng 02/2023 trên mức lương cơ bản 5.000.000 đồng (căn cứ vào sao kê tài khoản từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/3/2023 thể hiện công ty T2 vào ngày 30/6/2016 với mức lương cơ bản 5.000.000 đồng), từ tháng 03/2023 đến tháng 06/2023 trên mức lương cơ bản 10.000.000 đồng (căn cứ vào sao kê tài khoản từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/6/2023 thể hiện công ty T2 vào ngày 02/04/2023 với mức lương cơ bản 10.000.000 đồng). Ông P cũng đồng ý đóng phần BHXH bắt buộc của mình.

Đối với bị đơn Công ty TNHH S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông P là vợ chồng và đều là nhõn viờn kinh doanh của Cụng ty S. Bắt đầu từ thỏng 6/2016, Cụng ty S Việtbắt đầu thanh toỏn tiền lương, tiền hoa hồng của bà N và ụng P đều thụng qua tài khoản ngõn hàng của bà N. Đối với yờu cầu khởi kiện của ngõyờn đơn thờ bà N thỏng nhất.

Theo bản tự khai, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương là ông Dương Văn T trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH S cho người lao động thì Công ty TNHH S không tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Ngô Văn Tấn P. Còn đối với yêu cầu của ông P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Hồ Trần H trình bày:

Giữa nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn có quan hệ họ hàng nên tin tưởng không ký kết hợp đồng lao động. Mặc dù, nguyên đơn vào làm việc tại Công ty S từ tháng 01/2011 nhưng không có gì chứng minh, vì vậy nguyên đơn xác định chính thức vào làm việc từ tháng 6/2016 trên cơ sở bị đơn chuyển khoản thanh toán tiền lương cho nguyên đơn thông qua số tài khoản của bà Đỗ Thị Kim N (vợ ụng P và cũng là nhõn viờn kinh doanh của Cụng ty), bà Đỗ Thị Kim N cũng thừa nhận sự việc này. Quá trình làm việc, bị đơn không tham gia BHXH bắt buộc cho nguyên đơn, đồng thời cũng không trích từ tiền lương của nguyên đơn để tham gia BHXH. Đến tháng 07/2023, nguyên đơn chuyển sang làm cộng tác viên tại Công ty cho đến tháng 06/2024 thì chính thức nghỉ việc nhưng bị đơn còn nợ tiền thưởng kinh doanh 3.718.177.971 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, như vậy là không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền thưởng (hoa hồng) và bảo hiểm xã hội nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, tiền thưởng (hoa hồng)” và bị đơn có trụ sở: số A, đường số E, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, căn cứ vào Điều 32 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết

vắng mặt. Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, bị đơn phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn và các đương sự khác cung cấp.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2023 với tổng số tiền 203.000.000 đồng. Ngày 12/6/2025, nguyên đơn có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn phải tham gia và đóng BHXH bắt buộc cho nguyên đơn từ tháng 06/2016 đến tháng 02/2023 trên mức lương cơ bản 5.000.000 đồng (căn cứ vào sao kê tài khoản từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/3/2023 thể hiện công ty T2 vào ngày 30/6/2016 với mức lương cơ bản 5.000.000 đồng), từ tháng 03/2023 đến tháng 06/2023 trên mức lương cơ bản 10.000.000 đồng (căn cứ vào sao kê tài khoản từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/6/2023 thể hiện công ty T2 vào ngày 02/04/2023 với mức lương cơ bản 10.000.000 đồng). Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[5.1] Nguyên đơn xác định làm việc tại Công ty S từ tháng 06/2016, các bên không ký kết hợp đồng lao động nhưng thỏa thuận bằng lời nói hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc phải làm, mức lương cơ bản, thời gian, địa điểm làm việc, tiền thưởng (hoa hồng). Đến tháng 07/2023, nguyên đơn chuyển sang làm cộng tác viên tại Công ty cho đến tháng 06/2024 thì nghỉ việc, thể hiện qua sao kê tài khoản ngân hàng của bà N, Công ty S thanh toán lương cho ông P và bà N đến tháng 06/2023. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim N cũng thống nhất với trình bày của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ lao động với nhau, quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành.

[5.2] Đến tháng 05/2024, nguyên đơn nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc bị đơn chưa trả tiền thưởng (hoa hồng) cho nguyên đơn với số tiền 3.718.177.971 đồng. Xét thấy, tại Biên bản thỏa thuận ngày 08/5/2024, bị đơn xác nhận “...*thời hạn trả tiền hoa hồng nhân viên và hoa hồng khách hàng mà nhân viên đã tạm ứng trước cụ thể như sau: ...riêng Mr Khoa + Mr Phát: thời hạn 5 tháng, mỗi tháng/ tổng số tiền còn lại, hạn chót nhận đủ số tiền công ty V còn nợ vào ngày 08/11/2024. Bao gồm các anh chị có tên sau: ...Ngô Văn Tấn P...số tiền còn nợ lại từng cá nhân sẽ được kế toán Công ty S chót chậm nhất vào ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán nêu trên. Nếu đến ngày này kế toán vẫn chưa có con số cuối cùng thì các báo cáo lợi nhuận kinh doanh gửi cho công ty là cơ sở pháp lý cuối cùng*”. Tuy nhiên, đến ngày 08/11/2024 là ngày cuối cùng hạn thanh toán, phía bị đơn không xác định được số tiền thưởng còn nợ của nguyên đơn là bao nhiêu, trong khi đó nguyên đơn có gửi thông tin cho bị đơn số tiền thưởng mà bị đơn còn nợ là 3.718.177.971 đồng nhưng phía bị đơn không có phản hồi. Như vậy, căn cứ vào nội dung biên bản thỏa thuận trên có căn cứ xác định bị đơn còn

thiếu tiền thưởng của nguyên đơn 3.718.177.971đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 48 và Điều 104 Bộ luật Lao động nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên là có căn cứ.

[5.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 09/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/6/2025 với lãi suất 10%/năm trên số tiền 3.718.177.971đồng là 220.034.642đồng. Tại Biên bản thỏa thuận ngày 08/5/2024, bị đơn cam kết “...*hạn chót nhận đủ số tiền công ty còn nợ vào ngày 08/11/2024...*” nhưng đến thời hạn bị đơn vẫn không thanh toán, cho nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là phù hợp với quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5.4] Đối với yêu cầu bị đơn phải tham gia và đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn từ tháng 06/2016 đến tháng 06/2023. Nguyên đơn xác định quá trình làm việc bị đơn không tham gia BHXH bắt buộc cho nguyên đơn, đồng thời không trích từ tiền lương của nguyên đơn để tham gia BHXH, và Bảo hiểm xã hội thành phố D cũng xác định bị đơn không tham gia BHXH cho nguyên đơn. Nguyên đơn đồng ý đóng phần BHXH bắt buộc của nguyên đơn.

Giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ lao động từ tháng 6/2016(căn cứ vào sao kê tài khoản từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/3/2023 thể hiện bị đơn thanh toán tiền lương cho nguyên đơn vào ngày 30/6/2016, trong đó mức lương cơ bản 5.000.000 đồng), từ tháng 03/2023 đến tháng 06/2023 trên mức lương cơ bản 10.000.000 đồng (căn cứ vào sao kê tài khoản từ ngày 01/4/2023 đến ngày 30/6/2023 thể hiện công ty T2 vào ngày 02/04/2023 với mức lương cơ bản 10.000.000 đồng) đến tháng 07/2023, nguyên đơn chuyển sang làm cộng tác viên tại Công ty cho đến tháng 06/2024 thì chính thức nghỉ việc. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì việc tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động là nghĩa vụ chung của người lao động và người sử dụng lao động. Việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội là trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền theo qui định tại khoản 5 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội. Do đó, bị đơn và nguyên đơn phải tham gia và đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc theo qui định của pháp luật từ tháng 06/2016 đến tháng 02/2023 theo mức lương là 5.000.000 đồng/tháng, từ tháng 03/2023 đến tháng 06/2023 theo mức lương là 10.000.000 đồng/tháng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp.

[9] Về án phí lao động sơ thẩm: nguyên đơn không phải chịu. Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 39, 96, 147, 227, 228, 229, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ vào các Điều 48 và 104 Bộ luật Lao động; căn cứ điểm a khoản 1

Điều 2, Điều 19, khoản 2 Điều 21 và khoản 5 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Tấn P1 với Công ty TNHH S về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền thưởng (hoa hồng)”.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho ông Ngô Văn Tấn P tổng số tiền 3.938.212.613 (ba tỷ chín trăm ba mươi tám triệu hai trăm mười hai nghìn sáu trăm mười ba) đồng. Trong đó tiền thưởng (hoa hồng) 3.718.177.971 (ba tỷ bảy trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng và tiền lãi 220.034.642 (hai trăm hai mươi triệu không trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm bốn mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Buộc Công ty TNHH S và ông Ngô Văn Tấn P phải tham gia và đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc theo qui định của pháp luật từ tháng 06/2016 đến tháng 02/2023 theo mức lương là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, từ tháng 03/2023 đến tháng 06/2023 theo mức lương là 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 45.938.213 (bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm mười ba) đồng.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẠM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

